



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2024

CTCP Vật tư - Xăng dầu

Ngày 31/12/2024	29,300 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	7.7%	2.3%	-9.8%

DT thuần Q4/24
959
tỷ VNĐ
QoQ: ▼22.0 -2.2%
YoY: ▼186 -16.2%

LN thuần Q4/24
15.5
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 7.09 84.5%
YoY: ▲ 5.40 53.6%

LN sau thuế Q4/24
11.5
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 4.77 71.1%
YoY: ▼7.90 -40.6%

Tỷ suất lãi EBIT 2024
0.8%
YoY: +/-▼ 0.2%

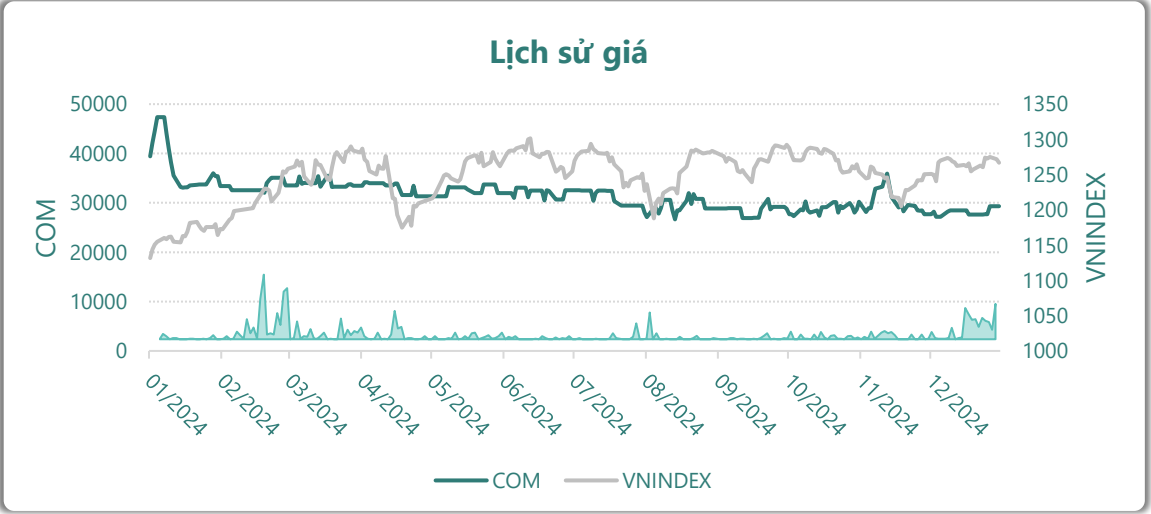
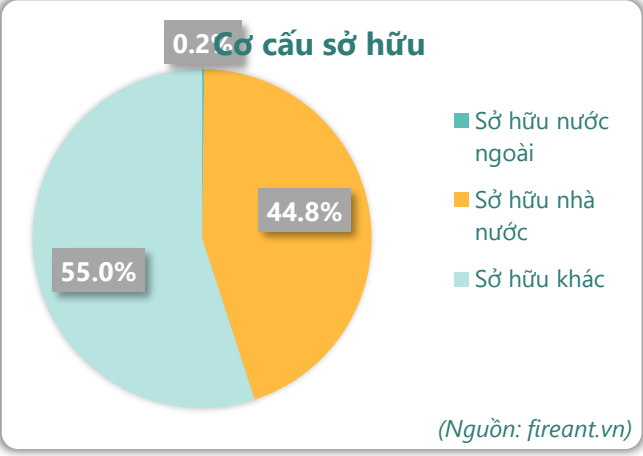
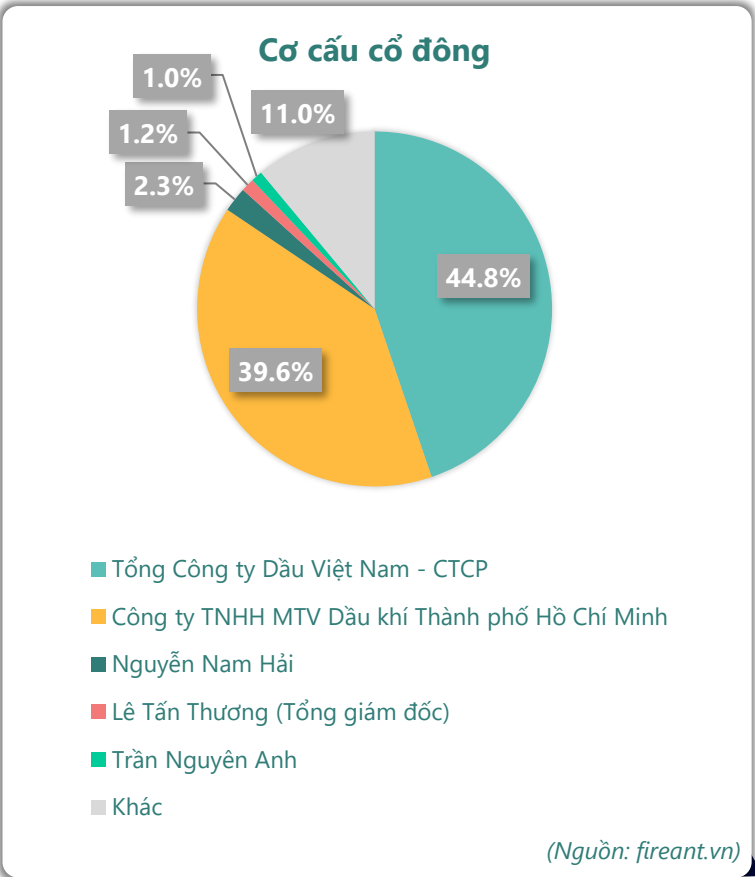
ROE 2024
6.2%
YoY: +/-▼ 1.7%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	26,650 - 47,366
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	414
Số lượng CPLH (CP)	14,120,628
KLGD BQ 20 phiên (CP)	155
Sở hữu nước ngoài	0.2%
Beta	(0.12)
EPS	1,899
P/E	15.4

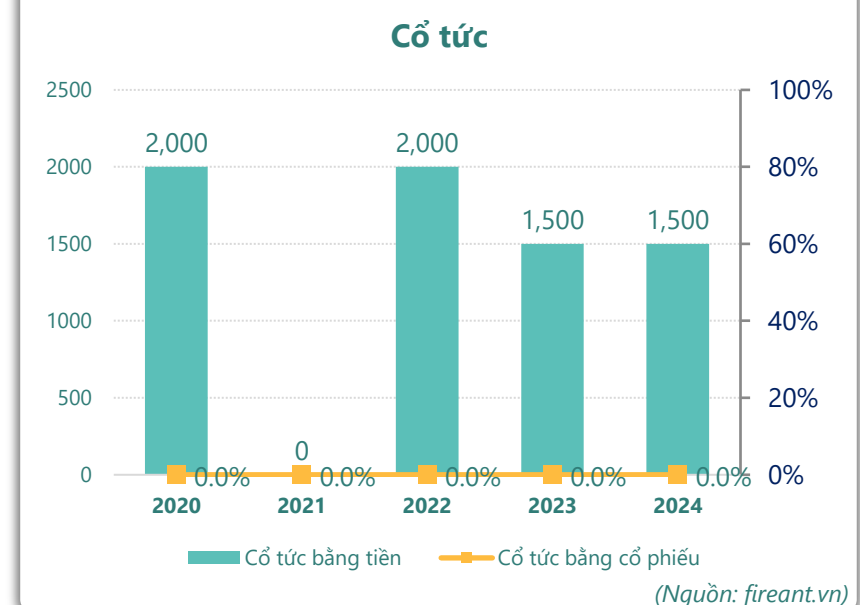
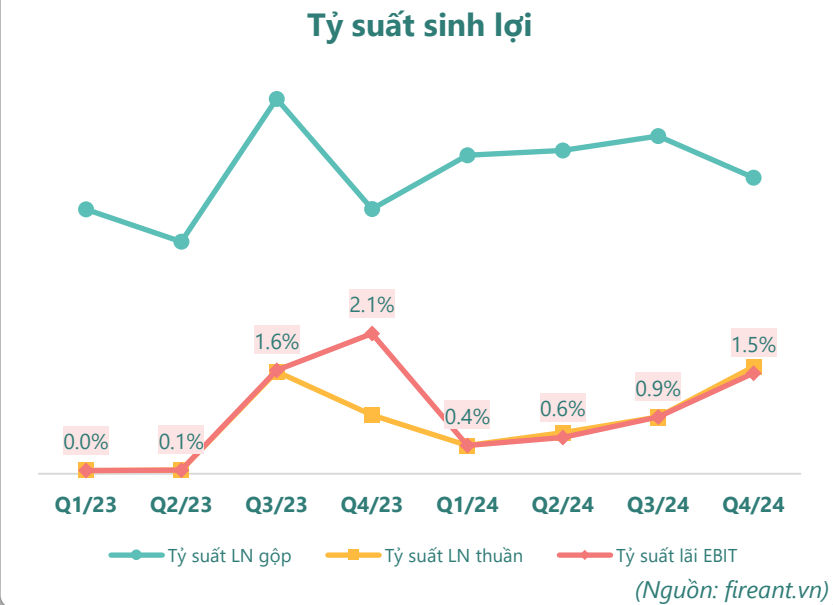
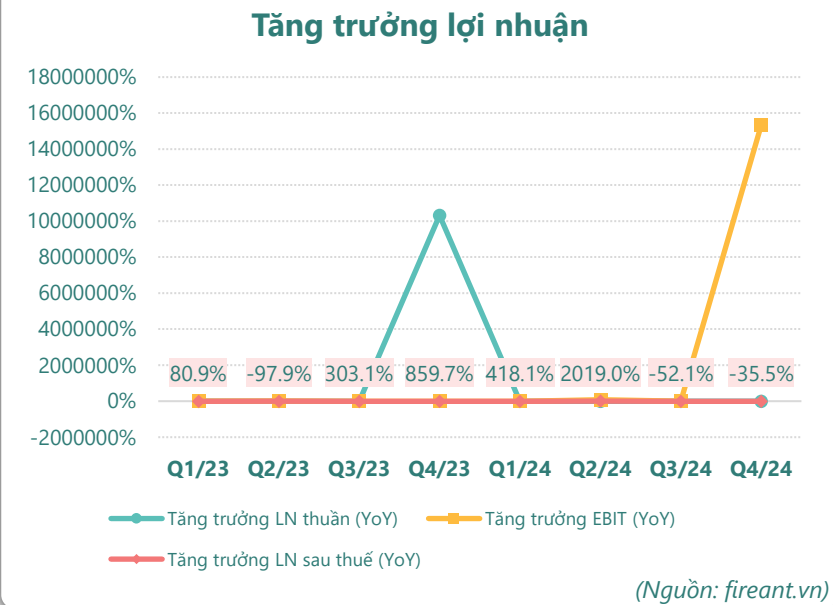
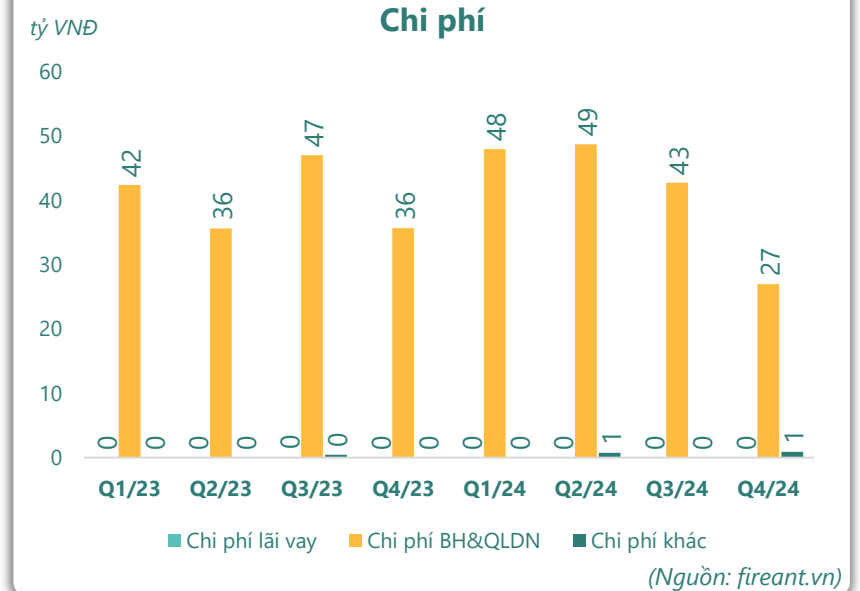
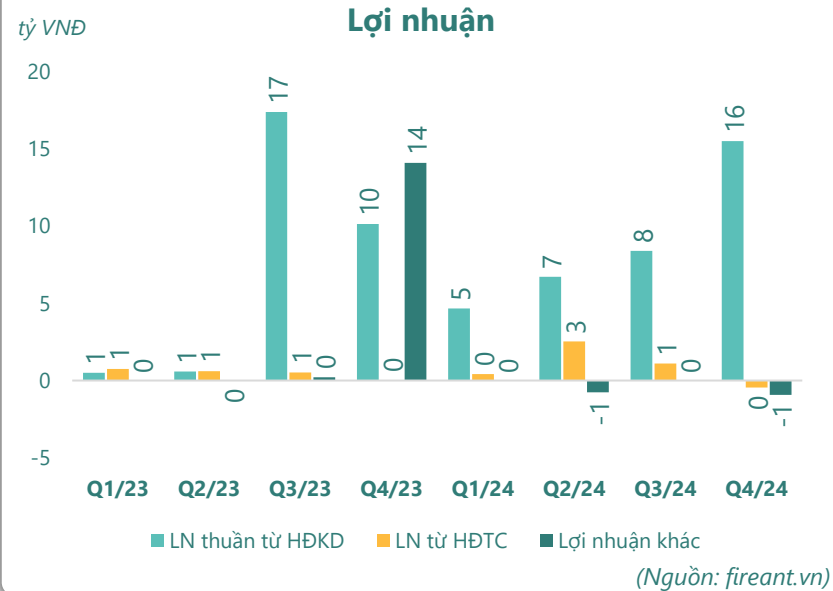
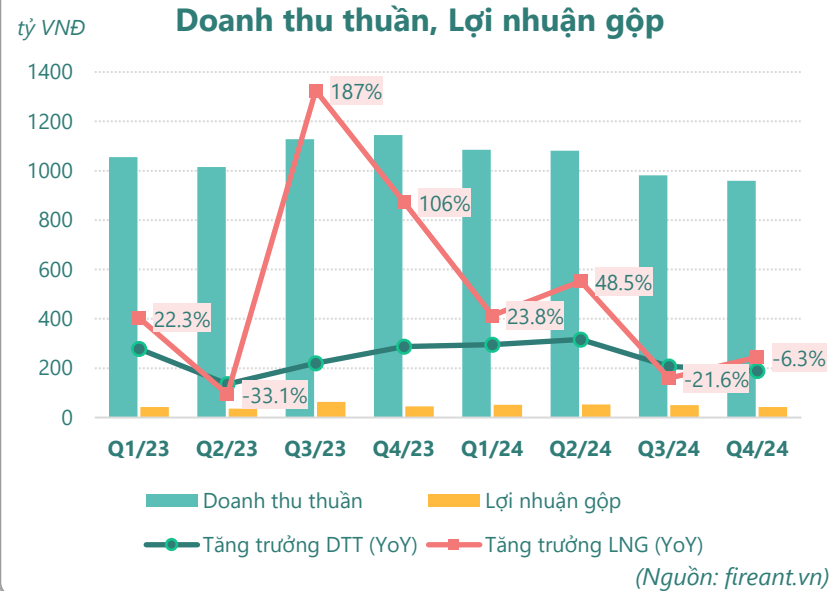
DT thuần 2024
4,107
tỷ VNĐ
YoY: ▼235 -5.4%

LN thuần 2024
34.7
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 6.10 21.2%

LN sau thuế 2024
26.9
tỷ VNĐ
YoY: ▼7.60 -22.0%



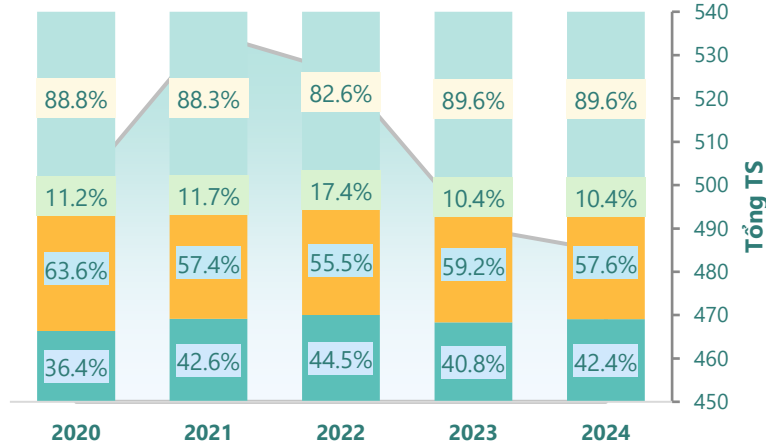
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

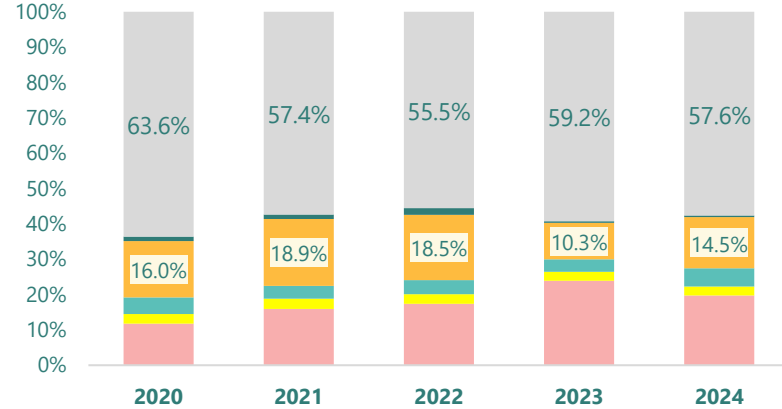
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

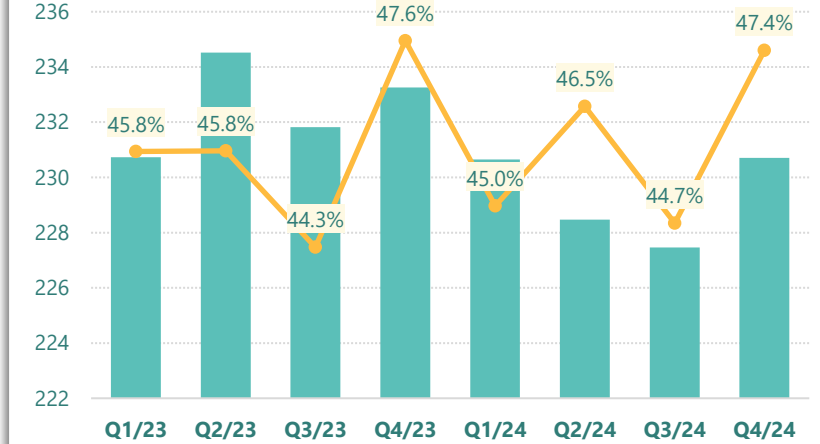
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

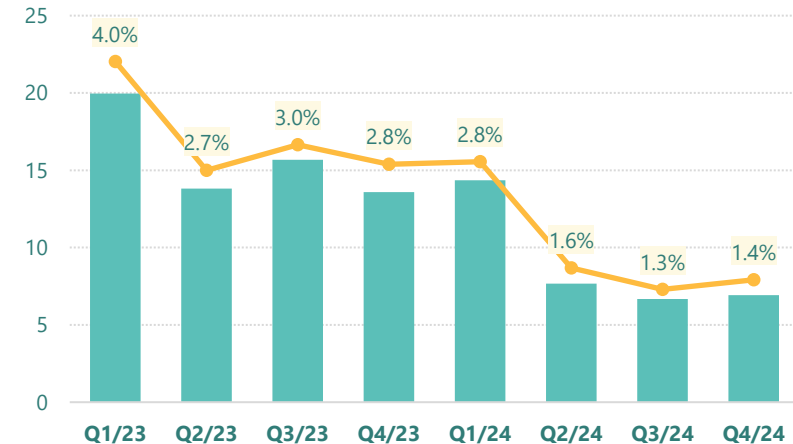
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

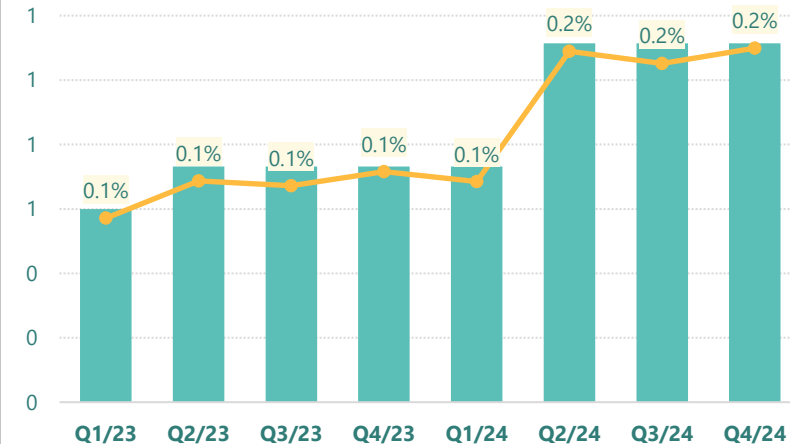
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

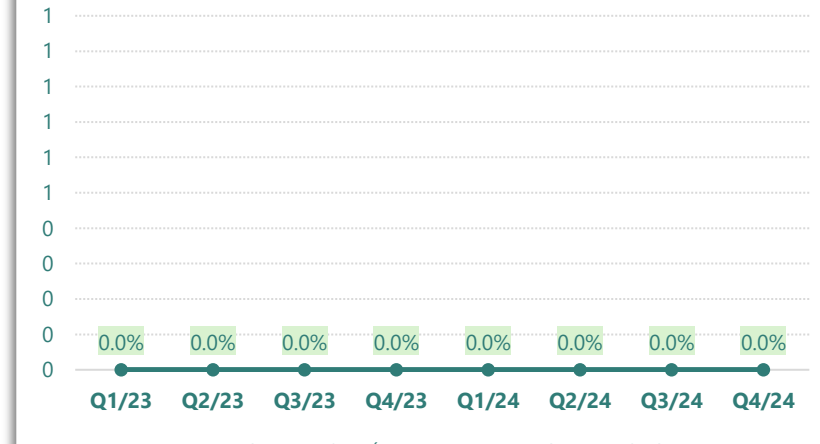
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

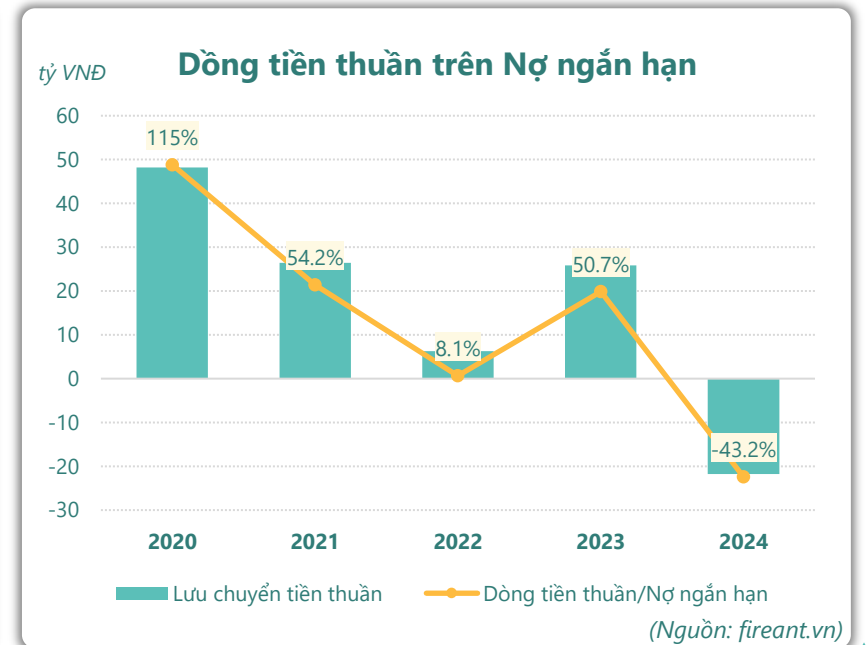
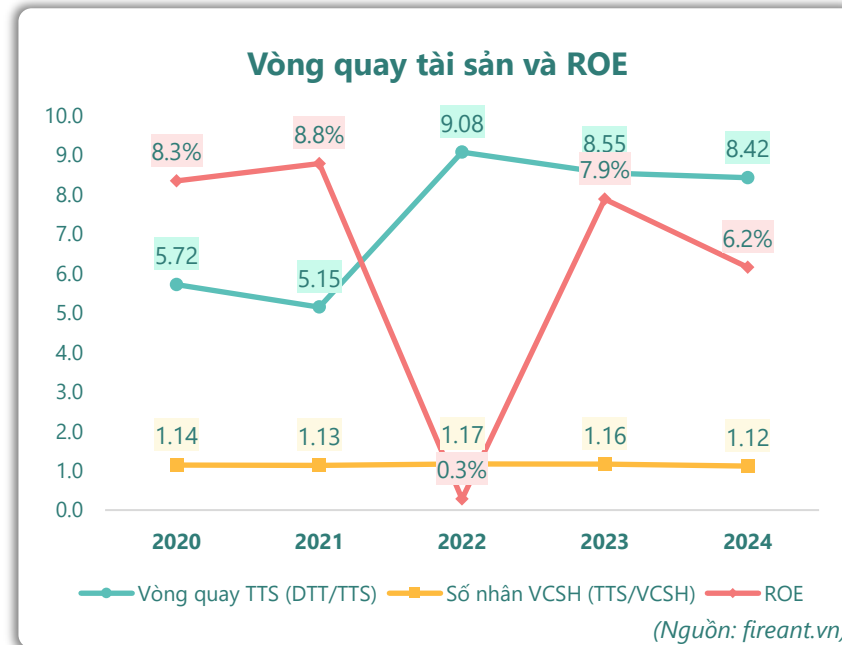
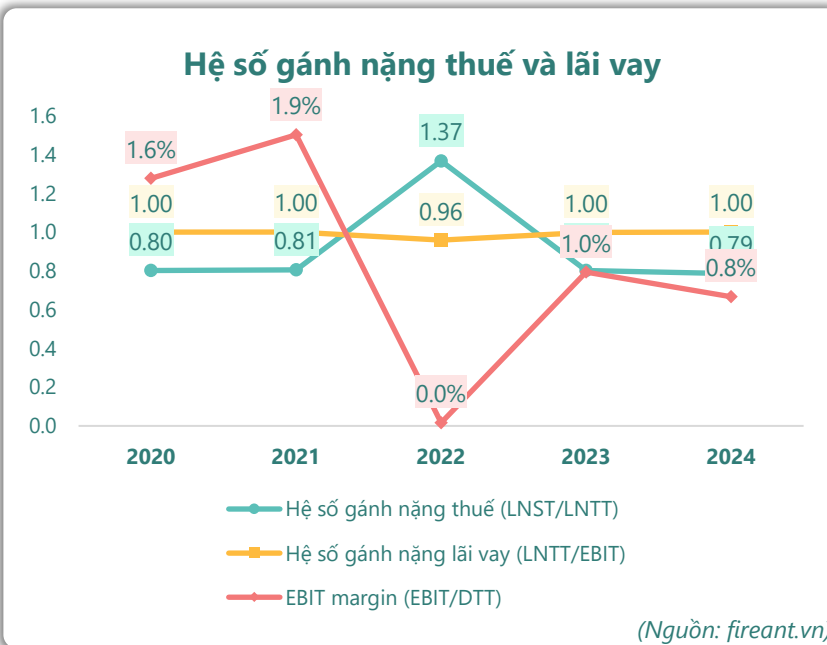
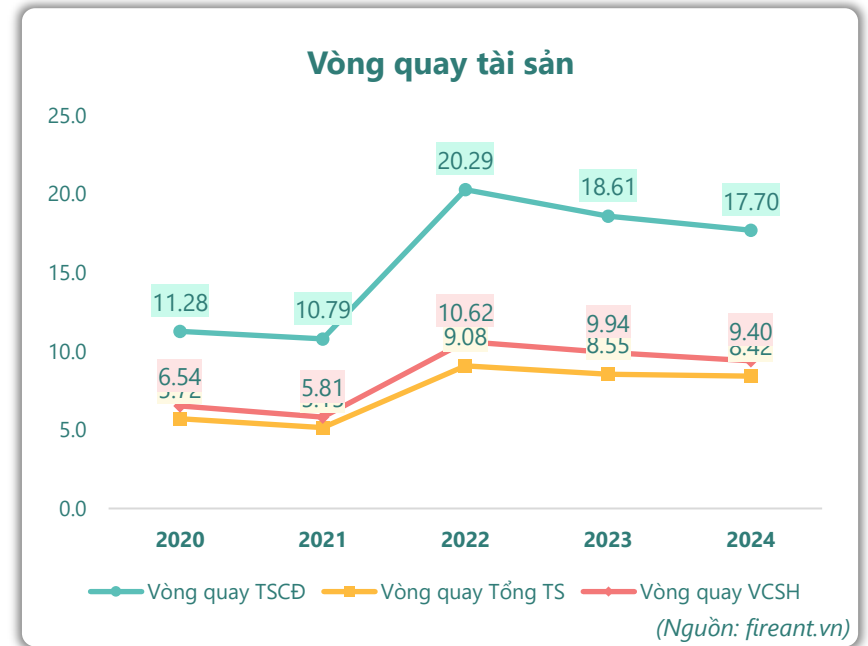
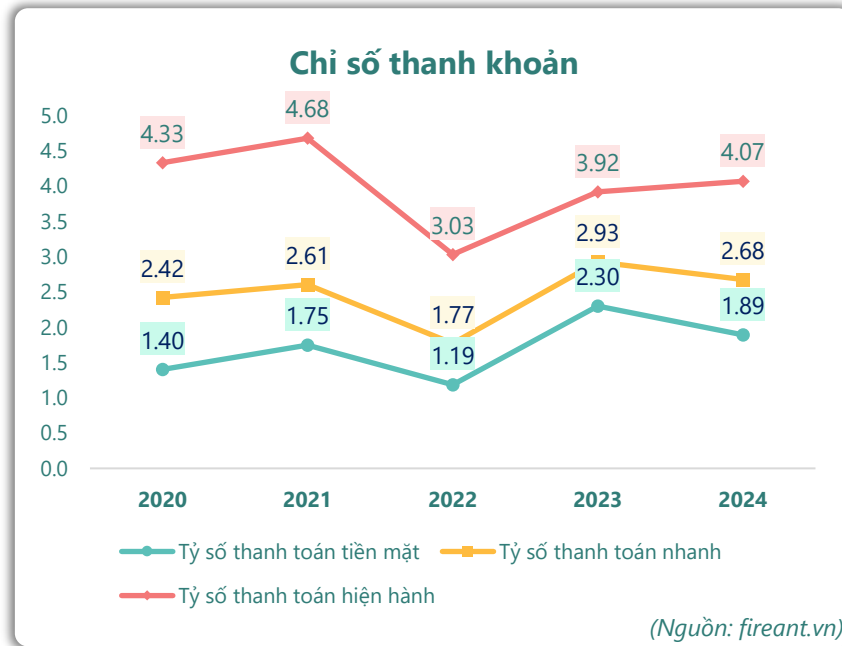
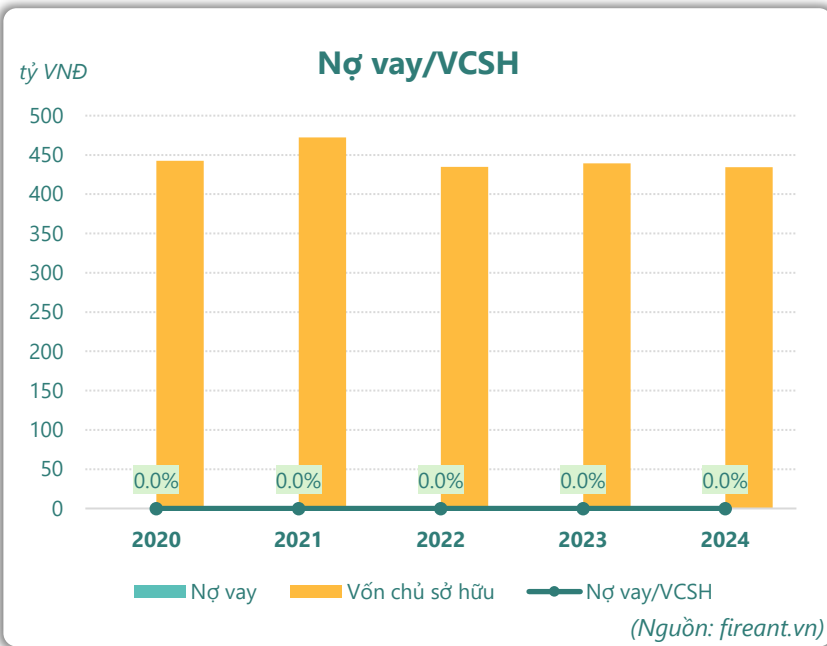
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q4/24	Q4/23	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	959	1,145	-16.2%	4,107	4,342	-5.4%
Giá vốn hàng bán	916	1,099	-16.6%	3,908	4,155	-5.9%
Lợi nhuận gộp	43.0	45.8	-6.2%	198	188	5.7%
Doanh thu HĐTC	0.53	0.69	-23.1%	2.55	3.60	-29.1%
Chi phí TC	0.98	0.67	45.6%	-0.46	1.68	-128%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0.07	-100%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	25.0	32.8	-23.8%	149	144	3.5%
Chi phí QLDN	2.01	2.95	-31.8%	18.0	17.4	3.8%
LN thuần từ HĐKD	15.5	10.1	53.6%	34.7	28.6	21.2%
Lợi nhuận khác	-0.92	14.1	-107%	-0.49	14.3	-103%
LN trước thuế	14.6	24.3	-39.9%	34.2	43.0	-20.3%
Lợi nhuận sau thuế	11.5	19.4	-40.6%	26.9	34.5	-22.0%
LNST của CĐ cty mẹ	11.5	19.4	-40.6%	26.9	34.5	-22.0%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	16.4	-30.2	-5.62	-19.5	72.2	-41.9
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-1.30	-1.52	-0.47	0.05	0.41	-5.71
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-0.15	0	0	-21.0	-0.16	0
Tiền đầu kỳ	134	149	117	111	70.8	143
Lưu chuyển tiền thuần	15.0	-31.7	-6.09	-40.5	72.4	-47.6
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	149	117	111	70.8	143	95.6

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	487	490	-0.7%
Tài sản ngắn hạn	207	200	3.8%
Tiền và tương đương tiền	95.6	117	-18.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	12.5	12.4	0.7%
Phải thu ngắn hạn	24.7	17.2	43.6%
Hàng tồn kho	70.3	50.6	38.9%
Tài sản ngắn hạn khác	4.39	2.33	88.3%
Tài sản dài hạn	279	290	-3.8%
Phải thu dài hạn	1.90	1.90	0.0%
Tài sản cố định	231	233	-1.1%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	6.93	13.6	-49.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	1.11	0.73	52.3%
Tài sản dài hạn khác	38.6	40.8	-5.4%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	52.5	51.0	2.9%
Nợ ngắn hạn	52.5	51.0	2.9%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	3.05	2.11	44.3%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	434	439	-1.1%
Vốn chủ sở hữu	434	439	-1.1%
Vốn điều lệ	141	141	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

